

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
THÁNG 5 NĂM 2024

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ mang sang	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
I	Nguồn ngân sách cấp	10.813.458.726	0	1.527.500.706	9.285.958.020	
01	Nguồn NS cấp 12	2.687.218.272		207.290.070	2.479.928.202	
02	Nguồn NS cấp 13	3.353.332.591		334.457.449	3.018.875.142	
03	Nguồn NS cấp 14	4.772.907.863		985.753.187	3.787.154.676	
II	Thu thỏa thuận-Thu SN khác	326.484.955	525.247.905	504.107.851	347.625.009	
01	Học phí	126.901.829	100.320.000	65.158.560	162.063.269	
02	Tổ chức và QL Bán trú	5.758.812	139.380.000	136.863.037	8.275.775	
03	Phục vụ ăn sáng	1.840.900	60.375.000	59.026.581	3.189.319	
04	Thiết bị vật dụng bán trú	16.863.476	172.000	17.032.033	3.443	
05	Vệ sinh phí	19.238.758	16.968.000	23.759.000	12.447.758	
06	Tiền HDNV nuôi dưỡng	147.015.500	89.130.000	90.200.000	145.945.500	
07	Lãi ngân hàng	833.000	246.905		1.079.905	
08	Anh văn	1.548.300	47.520.000	45.606.000	3.462.300	
09	Đàn	1.773.680	11.400.000	10.895.800	2.277.880	
10	Nhịp điệu	1.395.360	18.582.000	17.070.960	2.906.400	
11	Vô	1.333.660	13.965.000	12.822.600	2.476.060	
12	Vé	1.981.680	27.189.000	25.673.280	3.497.400	
III	Thu hộ - Chi hộ	279.913.307	485.078.000	722.410.982	42.580.325	
01	Tiền ăn bán trú	66.387.336	335.055.000	401.200.195	242.141	
02	Tiền ăn sáng	83.360.708	141.865.000	224.688.193	537.515	
03	Học phẩm	2.405.042	50.000		2.455.042	
04	Nước uống	7.125.482	7.878.000	13.500.000	1.503.482	
05	Bảo hiểm tai nạn học sinh	450.000			450.000	
06	Kinh phí CSSKBĐ học sinh	34.617.295			34.617.295	
07	Thu hộ khác (TT 16)	34.579.194		34.579.194	0	
08	Tiền học liệu, học cụ	49.525.250	230.000	48.443.400	1.311.850	
09	Khám sức khỏe ban đầu	1.463.000			1.463.000	
10	Tiền học sinh tham quan dã ngoại	0			0	
IV	Các khoản hề	330.589	0	0	330.589	
01	Tiền ăn hề	201.753	0	0	201.753	
02	Tiền ăn sáng hề	128.836	0	0	128.836	
V	Các quỹ	951.448.685	80.000.000	75.381.000	956.067.685	
01	Quỹ khen thưởng	272.118.612			272.118.612	
02	Quỹ phúc lợi	529.356.183			529.356.183	
03	Quỹ PTHĐSNghiep	81.151.966			81.151.966	
04	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	32.834.810			32.834.810	
05	Quỹ bổ sung thu nhập	4.950.000			4.950.000	
06	Quỹ khác	22.310.000			22.310.000	
07	Quỹ tiền mặt	8.727.114	80.000.000	75.381.000	13.346.114	
Tổng cộng (I+II+III+IV)		12.371.636.262	1.090.325.905	2.829.400.539	10.632.561.628	

Kế toán



Lê Thị Hạnh

Ngày 05 tháng 05 năm 2024
Hiệu trưởng

TRƯỜNG
MẦM NON
HẠNH THÔNG TÂY
Nguyễn Thị Hoàng Mai